

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần CENCON Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: CEN
- Địa chỉ: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6285 0292 Fax: (024) 6285 0292
- Email: cenconvietnam@gmail.com Website: cencon.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025:

BCTC riêng

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với

BCTC:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 19/03/2026 tại đường dẫn: <http://cencon.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT

Lưuân Mạnh Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 08/5/2025 do thay đổi địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc của người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 08/5/2025, Vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEN.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện hạn chế giao dịch từ ngày 13/3/2025 theo Quyết định số 145/QĐ-SGDHN ngày 13/3/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Ông Lê Văn Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Bình	Giám đốc
-----------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Trần Mạnh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Lào Cai, ngày 13 tháng 3 năm 2026

*Số: 100/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV3***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam, được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính trên cơ sở thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã nhận chuyển nhượng Dự án khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ ngày 16/9/2021 với giá trị 68,38 tỷ VND. Tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên hải Lào Cai sang Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam do chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa vào khai thác, vận hành. Bằng các tài liệu thu thập được, chúng tôi không xác định được có cần thiết điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Ô tô Điện Cencon (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh) với giá gốc là 50,4 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được có cần thiết điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		101.508.783.613	103.690.592.569
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.460.902.445	4.293.347.882
1. Tiền	111		20.460.902.445	4.293.347.882
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.594.895.498	7.050.674.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.416.895.498	4.110.045.429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.178.000.000	2.938.693.592
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	-	1.935.000
IV. Hàng tồn kho	140		75.452.985.670	91.961.108.241
1. Hàng tồn kho	141	5.5	75.452.985.670	91.961.108.241
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	385.462.425
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	-	24.149.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	361.312.426
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		118.987.374.485	120.399.518.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.874.485	1.618.018.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	205.874.485	1.618.018.380
- Nguyên giá	222		914.861.091	3.222.039.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(708.986.606)	(1.604.020.893)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.381.500.000	68.381.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	68.381.500.000	68.381.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.400.000.000	50.400.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	50.400.000.000	50.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		220.496.158.098	224.090.110.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.584.424.045	5.409.154.878
I. Nợ ngắn hạn	310		1.584.424.045	5.409.154.878
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	166.658.893	4.122.313.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	846.150.365	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	500.449.916	221.557.126
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	71.164.871	79.414.638
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	-	19.870.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	966.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		218.911.734.053	218.680.956.071
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	218.911.734.053	218.680.956.071
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		217.124.400.000	217.124.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		217.124.400.000	217.124.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.769.180.000)	(1.769.180.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.556.514.053	3.325.736.071
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.325.736.071	3.308.967.950
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		230.777.982	16.768.121
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		220.496.158.098	224.090.110.949

Lào Cai, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi



Đỗ Thị Thanh Xuân



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	79.396.420.460	94.883.175.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	28.200.855	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	79.368.219.605	94.883.175.209
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	75.075.674.839	89.131.552.117
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.292.544.766	5.751.623.092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.164.170	1.983.914
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.920.772	2.183.425
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.902.054	2.183.425
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	1.521.948.852	2.203.312.089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.475.385.016	2.586.702.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		277.454.296	961.408.901
11. Thu nhập khác	31	6.6	19.489.207	32.736.537
12. Chi phí khác	32	6.6	1.978.821	778.517.093
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		17.510.386	(745.780.556)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		294.964.682	215.628.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	64.186.700	198.860.224
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		230.777.982	16.768.121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	10,63	0,77

Lào Cai, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Ninh Chi

Đỗ Thị Thanh Xuân

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		294.964.682	215.628.345
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		213.443.958	525.892.195
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.646.051)	(34.561.904)
- Chi phí lãi vay	06		12.902.054	2.183.425
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		499.664.643	709.142.061
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.817.090.949	(2.658.036.759)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.508.122.571	(3.604.483.082)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.722.240.140)	2.036.088.615
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24.149.999	(24.149.999)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.902.054)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(198.860.224)	(35.143.939)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.817.169)	(394.493.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.913.208.575	(3.971.076.382)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.218.181.818	262.700.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.164.170	1.983.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.220.345.988	264.683.914
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	966.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(966.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(966.000.000)	966.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		16.167.554.563	(2.740.392.468)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.293.347.882	7.033.740.350
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	20.460.902.445	4.293.347.882

Lào Cai, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Ninh Chi

Đỗ Thị Thanh Xuân

Trần Mạnh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 08/5/2025 do thay đổi địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc của người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 08/5/2025, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEN.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện hạn chế giao dịch từ ngày 13/3/2025 theo Quyết định số 145/QĐ-SGDHN ngày 13/3/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 8 người (tại ngày 01/01/2025 là: 9 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Chi tiết: Đại lý.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Điều hành tua du lịch;
- Chăn nuôi gia cầm;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Không bao gồm các sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người và được phẩm).
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ.
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan; Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán đá quý tái phục hồi và nhân tạo, làm kim cương.
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng).
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim loại quý khác và đá quý, đá bán quý, đá phong thủy.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu; Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp.
- Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển...);
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Trồng cây hàng năm khác; Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Chi tiết: Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;
- Cơ sở lưu trú khác; Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên;
- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm;
- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo);
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh thực phẩm đông lạnh...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	48,00%	48,00%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Các nội dung ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty có hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn (kinh doanh vàng, đá quý). Tuy nhiên, trong năm 2025 không phát sinh việc mua bán hàng kim hoàn và toàn bộ lượng hàng này vẫn đang được lưu kho của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao

(Số năm)

Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông báo ủy quyền chia cổ tức cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, hàng hóa trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hàng hóa đông lạnh và hàng kim hoàn... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.437.914.609	1.486.017.570
Tiền gửi ngân hàng	19.022.987.836	2.807.330.312
Tổng	20.460.902.445	4.293.347.882

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	4.416.895.498	4.110.045.429
Công ty TNHH Cung cấp Thực phẩm An Phát	-	298.277.640
Công ty TNHH Cocomy Việt Nam	240.927.950	262.105.720
Công ty TNHH Halo Foods	666.070.557	-
Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam - Korea	626.137.490	-
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	1.521.781.643	1.600.030.075
Công ty CP ĐTXD & Truyền thông Trảng An	-	600.352.554
Các khách hàng khác	1.361.977.858	1.349.279.440
Tổng	4.416.895.498	4.110.045.429

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.178.000.000	2.938.693.592
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	-	587.305.250
Công ty CP Thực phẩm quốc tế Vimex Việt Nam	900.000.000	1.717.887.920
Công ty TNHH Thực phẩm Nguyên Phát Đạt	218.000.000	-
Công ty CP Sản xuất TMDV 5FOOD Việt Nam	-	497.414.130
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	60.000.000	136.086.292
Tổng	1.178.000.000	2.938.693.592

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	1.935.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	1.935.000	-
Tổng	-	-	1.935.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai,
 Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	75.452.985.670	-	91.961.108.241	-
Hàng đông lạnh	18.319.498.323	-	34.827.620.894	-
Hàng kim hoàn	57.109.301.347	-	57.109.301.347	-
Hàng hóa khác	24.186.000	-	24.186.000	-
Tổng	75.452.985.670	-	91.961.108.241	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	-	24.149.999
Phí bảo hiểm và phí cập nhật dữ liệu chờ phân bổ	-	24.149.999
Tổng	-	24.149.999

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	3.173.893.818	48.145.455	3.222.039.273
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(2.307.178.182)	-	(2.307.178.182)
Thanh lý, nhượng bán	(2.307.178.182)	-	(2.307.178.182)
Số dư tại 31/12/2025	866.715.636	48.145.455	914.861.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	1.555.875.438	48.145.455	1.604.020.893
Tăng trong năm	213.443.958	-	213.443.958
Khấu hao trong năm	213.443.958	-	213.443.958
Giảm trong năm	(1.108.478.245)	-	(1.108.478.245)
Thanh lý, nhượng bán	(1.108.478.245)	-	(1.108.478.245)
Số dư tại 31/12/2025	660.841.151	48.145.455	708.986.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2025	1.618.018.380	-	1.618.018.380
Số dư tại 31/12/2025	205.874.485	-	205.874.485

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 48.145.455 VND (tại ngày 01/01/2025 là 901.050.910 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 1.454.272.727 VND và 1.242.191.291 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí mua sắm tài sản dở dang	68.381.500.000	68.381.500.000
Dự án khách sạn nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	68.381.500.000	68.381.500.000
Tổng	68.381.500.000	68.381.500.000

(*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 10.232 m² với quy mô: Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông... nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 1609/2021/CNTS-CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ-HĐQT ngày 16/9/2021.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Dự án giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được văn phòng công chứng Lê Thu Hằng tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/7/2023 và hoàn thành các thủ tục thanh toán tiền chuyển nhượng. Hiện tại, hồ sơ nhận chuyển nhượng đã nộp tới Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai do Công trình chưa đủ điều kiện để xem xét chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định. Hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng Dự án.

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết		50.400.000.000		-	50.400.000.000		-
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	48,00%	48,00%	50.400.000.000	(*)	50.400.000.000	(*)	-
Tổng		50.400.000.000		-	50.400.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết về đơn vị nhận vốn góp đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	Thôn Nam Giang, xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh, vốn chủ sở hữu của Công ty là 104.983.434.591 VND. Trong năm, Công ty chưa có những hoạt động cụ thể để sử dụng và mang lại thu nhập từ số vốn đã góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai,
 Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	166.658.893	166.658.893	4.122.313.114	4.122.313.114
Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn	-	-	194.400.000	194.400.000
Công ty TNHH Thực phẩm chất lượng Canada	157.600.956	157.600.956	-	-
CN Công ty Cổ phần Đại Tân Việt tại Hà Nội	-	-	2.608.921.350	2.608.921.350
Các đối tượng khác	9.057.937	9.057.937	1.318.991.764	1.318.991.764
Tổng	166.658.893	166.658.893	4.122.313.114	4.122.313.114

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	846.150.365	-
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Lê	413.280.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Stars	192.400.079	-
Các khách hàng khác	240.470.286	-
Tổng	846.150.365	-

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	221.557.126	1.243.855.959	964.963.169	500.449.916
Thuế giá trị gia tăng	18.913.327	1.076.727.477	699.841.844	395.798.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.860.224	64.186.700	198.860.224	64.186.700
Thuế thu nhập cá nhân	3.783.575	99.790.133	63.109.452	40.464.256
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.151.649	3.151.649	-

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	71.164.871	79.414.638
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.183.425
Chi phí dịch vụ phải trả	71.164.871	77.231.213
Tổng	71.164.871	79.414.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	-	19.870.000
Tiền thù lao phải trả	-	12.000.000
Phải trả khác	-	7.870.000
Tổng	-	19.870.000

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	966.000.000	966.000.000	966.000.000
Ngân hàng TMCP Quân						
Đội - Chi nhánh Hoàn	-	-	-	966.000.000	966.000.000	966.000.000
Kiểm (*)						
Tổng	-	-	-	966.000.000	966.000.000	966.000.000

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số 266644.24.076.3269888.TD ký ngày 13/12/2024 với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm. Hạn mức cho vay 20 tỷ đồng, mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm đông lạnh của khách hàng (không tài trợ lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý). Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 06/12/2025. Số tiền cho vay, lãi suất chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ. Hình thức vay có tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải theo GCN số 24 000072 biên kiểm soát 24A-258.44 do phòng CSGT Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/10/2023. Trong năm, Công ty đã tắt toán khoản vay này.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.308.967.950	218.664.187.950
Lãi trong năm trước	-	-	16.768.121	16.768.121
Tại ngày 31/12/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Tại ngày 01/01/2025	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Lãi trong năm nay	-	-	230.777.982	230.777.982
Tại ngày 31/12/2025	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.556.514.053	218.911.734.053

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ đông		
Vốn góp của các Cổ đông	217.124.400.000	217.124.400.000
Tổng	217.124.400.000	217.124.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	217.124.400.000	217.124.400.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	217.124.400.000	217.124.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.712.440	21.712.440
+ Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng kim hoàn	-	676.713.353
Doanh thu bán hàng hóa thực phẩm	79.396.420.460	94.206.461.856
Tổng	79.396.420.460	94.883.175.209
Các khoản giảm trừ	28.200.855	-
Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	28.200.855	-
Doanh thu thuần bán hàng kim hoàn	-	676.713.353
Doanh thu thuần bán hàng hóa thực phẩm	79.368.219.605	94.206.461.856
Tổng	79.368.219.605	94.883.175.209

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng kim hoàn	-	477.978.533
Giá vốn bán hàng hóa thực phẩm	75.075.674.839	88.653.573.584
Tổng	75.075.674.839	89.131.552.117

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai,
 Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.164.170	1.983.914
Tổng	2.164.170	1.983.914

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	12.902.054	2.183.425
Phí ngân hàng do trả gốc vay trước hạn	7.018.718	-
Tổng	19.920.772	2.183.425

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	1.521.948.852	2.203.312.089
Chi phí nhân viên bán hàng	795.199.223	1.310.269.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	726.749.629	677.125.609
Chi phí bằng tiền khác	-	215.916.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.475.385.016	2.586.702.591
Chi phí nhân viên quản lý	1.993.808.198	1.754.365.143
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	8.124.000	7.689.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	213.443.958	525.892.195
Thuế, phí, lệ phí	7.794.000	6.945.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.968.405	242.494.780
Chi phí bằng tiền khác	34.246.455	49.315.183
Tổng	3.997.333.868	4.790.014.680

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu lãi thanh lý tài sản	19.481.881	32.577.990
Thu nhập khác	7.326	158.547
Tổng	19.489.207	32.736.537
Chi phí khác		
Xuất hàng hủy	-	366.160.492
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	1.968.818	394.512.282
Chi phí khác	10.003	17.844.319
Tổng	1.978.821	778.517.093
Lợi nhuận khác	17.510.386	(745.780.556)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	294.964.682	215.628.345
Điều chỉnh tăng	25.968.818	778.672.774
Các khoản phạt hành chính, phạt chậm nộp	1.968.818	394.512.282
Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách	24.000.000	18.000.000
Xử lý hàng hủy	-	366.160.492
Tổng thu nhập tính thuế	320.933.500	994.301.119
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.186.700	198.860.224

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	230.777.982	16.768.121
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	230.777.982	16.768.121
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	21.712.440	21.712.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10,63	0,77

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.124.000	7.689.640
Chi phí nhân công	2.789.007.421	3.064.634.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.443.958	525.892.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	944.718.034	919.620.389
Chi phí bằng tiền khác	42.040.455	265.231.905
Tổng	3.997.333.868	4.790.014.680

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

a. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT, người CBTT	12.000.000	6.000.000
Tổng		12.000.000	6.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000	-
Tổng		12.000.000	-
Thu nhập của Giám đốc và những người quản lý khác			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	423.972.028	118.510.000
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	403.763.208	116.410.000
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	216.728.581	-
Bà Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ 01/01/2026)	-	-
Tổng		1.044.463.817	234.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai,
 Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty phân chia hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh hàng thực phẩm đông lạnh, và hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn để lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	676.713.353	94.206.461.856	94.883.175.209
Chi phí bộ phận	477.978.533	88.653.573.584	89.131.552.117
Kết quả kinh doanh bộ phận	198.734.820	5.552.888.272	5.751.623.092
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			4.790.014.680
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			961.608.412
Doanh thu hoạt động tài chính			1.983.914
Chi phí tài chính			2.183.425
Thu nhập khác			32.736.537
Chi phí khác			778.517.093
Thuế TNDN hiện hành			198.860.224
Lợi nhuận sau thuế			16.768.121

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	79.368.219.605	79.368.219.605
Chi phí bộ phận	-	75.075.674.839	75.075.674.839
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	4.292.544.766	4.292.544.766
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			3.997.333.868
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			295.210.898
Doanh thu hoạt động tài chính			2.164.170
Chi phí tài chính			19.920.772
Thu nhập khác			19.489.207
Chi phí khác			1.978.821
Thuế TNDN hiện hành			64.186.700
Lợi nhuận sau thuế			230.777.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Lào Cai, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập



Phạm Thị Ninh Chi

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn

